

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS -ST

Ngày 15/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 6 năm 2020, ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS gày 06 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS ngày 29/5/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Như Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Bùi Như Đ trình bày:

Ngày 26/9/2012 vợ chồng ông cho bà B vay số tiền 50 triệu đồng, khi vay có viết giấy vay tiền do bà B tự viết và ký, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất theo thỏa

thuận miệng là 4000đồng/1 triệu/1 ngày, mục đích vay như bà B nói để đáo nợ Ngân hàng, từ khi vay đến nay bà B chưa trả khoản tiền gốc, lãi nào.

Ngày 05/12/2012, vợ chồng ông cho bà B vay số tiền 100 triệu đồng, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do bà B tự viết và ký, thời hạn vay không ghi trong giấy nhưng nói miệng từ ngày 05/12/2012 đến 05/01/2013, lãi suất theo thỏa thuận miệng là 4000đồng/1 triệu/1 ngày, mục đích vay như bà B nói để xin việc cho con. Từ khi vay đến nay bà B chưa trả vợ chồng ông khoản tiền gốc, tiền lãi nào.

Ngày 14/12/2012, vợ chồng ông cho bà B vay số tiền 30 triệu đồng, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do bà B tự viết và ký, thời hạn vay từ ngày 14/12/2012 đến 03/01/2013, lãi suất theo thỏa thuận miệng là 4000đồng/1 triệu/1 ngày, mục đích vay như bà B nói để đáo nợ Ngân hàng. Từ khi vay đến nay bà B chưa trả khoản tiền gốc, tiền lãi nào.

Ngày 02/6/2013, vợ chồng ông cho bà B vay số tiền 30 triệu đồng, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do bà B tự viết và ký, không ghi thời hạn vay, lãi suất theo thỏa thuận miệng là 4000đồng/1 triệu/1 ngày, mục đích vay như bà B nói để đáo nợ Ngân hàng, thời hạn vay theo bà B nói là 01 tháng. Từ khi vay đến nay bà B chưa trả khoản tiền gốc, tiền lãi nào.

Ngày 14/3/2013 vợ chồng ông cho bà Nguyễn Thị B mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng 276m² đất tại thửa số 101 tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 216671) để thế chấp cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bắc Giang. Do bà B không trả được Ngân hàng số tiền vay nên Chi cục Thi hành án huyện V kê biên, tiến hành bán đấu giá tài sản nhà đất của vợ chồng ông. Vì vậy, ngày 14/10/2019 và ngày 30/10/2019 vợ chồng ông phải nộp thay bà B số tiền 400 triệu đồng và 73.508.000đồng vào Ngân hàng Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Bắc Giang để chuộc nhà đất của vợ chồng ra đồng thời ngày 20/02/2020 phải nộp tiền chi phí cưỡng chế kê biên tài sản và chi phí thẩm định giá là 10.350.000đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Toàn bộ khoản tiền vay nêu trên ông cho cá nhân bà B vay, ông không biết chồng, con bà B là ai.

Từ khi đến hạn thanh toán các khoản tiền vay nêu trên ông đã liên tục gặp bà B để yêu cầu trả tiền nhưng bà B không trả mà hứa đi hứa lại nhiều lần. Thời điểm từ tháng 02/2019 đến tháng 8/2019 khi Chi cục Thi hành án kê biên đấu giá tài sản nhà đất của ông, ông liên tục yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B vẫn không trả. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu: Buộc bà B trả tổng số tiền 693.858.000đồng tiền gốc và 176.300.000đồng tiền lãi. Cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị B trả tổng số tiền vay là 210 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi của tổng số tiền 210 triệu đồng, tạm tính là 176.300.000đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị B trả số tiền 483.858.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại đơn khởi kiện có yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán khoản vay hoặc thay đổi tài sản bảo đảm đối với khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Bắc Giang để giải chấp quyền sử dụng thửa đất số 101 tờ bản đồ số 2 diện tích 276m² địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang ,giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 216671. Nay ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu này vì bản chất yêu cầu này chính là yêu cầu đòi bà B trả số tiền 483.508.000đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất với lời khai của ông Bùi Như Đ. Bà Thước xác định toàn bộ khoản tiền ông Đ đứng tên cho bà B vay và nộp hộ bà B vào Ngân hàng là khoản tiền chung của bà và ông Đ, các con không liên quan gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã được nhận tất cả các văn bản, thông báo tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai, để Tòa án lấy lời khai, để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được do bị đơn vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa ngày 29/5/2020: Tòa án phải hoãn phiên tòa vì bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 15/6/2020:

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị B tiếp tục vắng mặt không có lý do.
- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà B trả các khoản tiền cụ thể sau:

+ Buộc bà Nguyễn Thị B trả tổng số tiền vay là 210 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi của tổng số tiền 210 triệu đồng, mức lãi suất là 1%/tháng, thời gian từ ngày 02/7/2013 (là ngày hết thời hạn vay của khoản vay 30 triệu đồng vay ngày 02/6/2013) đến khi bà B thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay, tạm tính là 176.300.000đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị B trả số tiền 473.508.000đồng đã nộp thay bà B tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bắc Giang; không yêu cầu trả lãi.

+ Buộc bà B trả khoản tiền 10.350.000đồng đã nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố B; không yêu cầu trả lãi.

- Ngày 13/6/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị B có đơn tố cáo ông Bùi Như Đ về việc cho vay nặng lãi tới Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án phải tạm ngừng phiên tòa để chờ kết quả giải quyết đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị B.

Ngày 15/7/2020, Công an thành phố B có Công văn số 1195/CV-CQĐT gửi Tòa án thành phố B với nội dung: Nội dung đơn bà B tố cáo không có dấu hiệu tội phạm hình sự mà là tranh chấp trong giao dịch dân sự.

Tại phiên tòa ngày 15/7/2020:

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Nguyên đơn là ông Bùi Như Đ giữ nguyên yêu cầu bà B trả tổng số tiền 693.858.000 đồng trong đó có 210.000.000 đồng tiền vay và 483.858.000 đồng ông Đ trả thay bà B vào Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Bắc Giang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả 176.300.000 đồng tiền lãi; không yêu cầu giải quyết về tiền lãi của số tiền vay 210 triệu đồng nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc bà Nguyễn Thị B trả ông Bùi Như Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 210.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 26/9/2012, 05/12/2012, 14/12/2012, ngày 02/6/2013.

+ Buộc Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả ông Bùi Như Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền 483.858.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2019, ngày 14/10/2019 tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Bắc Giang và biên lai thu tiền số tiền số 0000727 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện V.

+ Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Như Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả 176.300.000 đồng tiền lãi.

+ Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là ông Bùi Như Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị B trả tiền gốc, tiền lãi theo các giấy vay tiền ngày 26/9/2012, ngày 05/12/2012, ngày 14/12/2012, ngày 02/6/2013 và yêu cầu hoàn trả số tiền 473.858.000 đồng đã nộp vào Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt; hoàn trả số tiền 10.350.000 đồng đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện V do bà B vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong các giấy biên nhận vay tiền. Căn cứ Điều 280, Điều 290, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 3, khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ” và tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu đòi khoản tiền vay 210 triệu đồng: Nguyên đơn là ông Bùi Như Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị B trả tổng số tiền cho vay là 210 triệu đồng. Căn cứ là bản gốc các giấy vay tiền ngày 26/9/2012, ngày 05/12/2012, ngày 14/12/2012 và ngày 02/6/2013 do nguyên đơn cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn là bà B đến Tòa để viết bản tự khai, để Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà B cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (bản gốc các giấy vay tiền) có đủ căn cứ xác định ngày 26/9/2012 ông Bùi Như Đ - bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 50 triệu đồng, ngày 05/12/2012 cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 100 triệu đồng, ngày 14/12/2012 cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 30 triệu đồng, ngày 02/6/2013 cho bà B vay 30 triệu đồng là có thật. Do vậy, yêu cầu của ông Bùi Như Đ buộc bà Nguyễn Thị B phải trả tổng số tiền gốc là 210 triệu đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 nên cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi của khoản tiền cho vay: Tại phiên tòa ông Đ rút yêu cầu buộc bà B trả 176.300.000 đồng tiền lãi; không yêu cầu bà B trả tiền lãi của khoản vay 210 triệu đồng. Việc rút yêu cầu của ông Đ là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ yêu cầu này của ông Đ theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về yêu cầu đòi số tiền 473.508.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 14/10/2019 và ngày 30/10/2019:

Theo lời khai nguyên đơn, tài liệu do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập (Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST, Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang) thì: Ngày 02/6/2014 bà Nguyễn Thị B ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 300.169/2014/HĐTD với Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu điện liên Việt - Chi nhánh Bắc Giang vay số tiền 800 triệu đồng. Ngày 23/5/2013, ông Bùi Như Đ và bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng thế chấp số 300.0096/2013/HĐTC với Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ và bà T thế chấp cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bắc Giang để đảm bảo cho khoản vay của bà B tại Ngân hàng.

Khoản vay của bà B đã đến thời hạn trả nợ nhưng bà B không trả, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 22/6/2018 và Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 25/10/2018 Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền 520.285.938 đồng, trường hợp bà B không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu biện pháp cưỡng chế là phát mại tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp cho ông Bùi Như Đ và bà Nguyễn Thị T. Theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp các bên ký kết có nội dung: *“Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mà bên vay vốn không trả hoặc không trả hết nợ thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu bên thế chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay vốn”*. Theo tài liệu do Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt cung cấp (tại Thông báo số 41A ngày 29/5/2020, sao kê tài khoản của Ngân hàng) thì ngày 14/10/2019 chị Nguyễn Thị H là con dâu ông Bùi Như Đ nộp số tiền 400 triệu đồng, ngày 30/10/2019 ông Bùi Như Đ nộp số tiền 73.508.000 đồng vào tài khoản 001197929999 - chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị B để tất toán khoản vay của bà Nguyễn Thị B tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Bắc Giang. Điều này phù hợp với lời khai của ông Đ, chị Hiền (con dâu ông Đ) và tài liệu do ông Đ cung cấp là bản gốc giấy nộp tiền ngày 31/10/2019, ngày 14/10/2019 thể hiện ông Đ đã nộp thay bà B tổng số tiền 473.508 đồng tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện liên Việt. Do vậy, yêu cầu của ông Đ buộc bà B trả 473.508.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 290, Điều 594, Điều 596 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.4] Về yêu cầu đòi số tiền 10.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000727 ngày 20/02/2020:

Theo lời khai nguyên đơn, tài liệu do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thì ngày 16/7/2019 Chi cục Thi

hành án dân sự huyện V có Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang của ông Bùi Như Đ và bà Nguyễn Thị T để thi hành Bản án dân sự số 05/2018/KDTM-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B; bản án số 08/2018/KDTM –PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ngày 20/02/2020 ông Đ nộp số tiền 10.350.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0000727 là tiền chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự do ông Đ là người thế chấp tài sản của bên thứ ba đã bị cưỡng chế kê biên và thẩm định giá. Việc ông Đ nộp số tiền 10.350.000đồng xuất phát từ hợp đồng thế chấp số 300.0096/2013/HĐTC ngày 23/5/2013 ký giữa ông Bùi Như Đ và bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt; do việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị B theo Bản án Bản án dân sự số 05/2018/KDTM-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B; Bản án số 08/2018/KDTM –PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, ông Đ yêu cầu bà B hoàn trả số tiền 10.350.000đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 290, Điều 594, Điều 596 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, Điều 290, Điều 594, Điều 596; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc bà Nguyễn Thị B trả ông Bùi Như Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 210.000.000đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng*) theo các giấy vay tiền ngày 26/9/2012, ngày 05/12/2012, ngày 14/12/2012 và ngày 02/6/2013.

2. Buộc Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả ông Bùi Như Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền 483.858.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2019, ngày 14/10/2019 tại Ngân hàng

TMCP Bru Điện Liên Việt – Chi nhánh Bắc Giang và biên lai thu tiền số tiền số 0000727 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện V.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Như Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả 176.300.000 đồng tiền lãi.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 31.754.320 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- CCTHADS Tp B .
- Các đ- ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện